

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BL
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 05/4/2019
“V/v Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tám.

2. Ông Vũ Hồng Điều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh LA.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 02/01/2019 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phùng Minh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số F11A/73 ấp 6, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Ông Trương Hồng H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 131 Quốc lộ 1A, Khu phố 1, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh LA.

2. Ông Trương Công N, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Số 137-139 Quốc lộ 1A, Khu phố 1, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh LA.

(Ông T, ông H có mặt; ông N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Phùng Minh T trình bày: Ông yêu cầu ông Trương Hồng H và ông Trương Công N có trách nhiệm trả cho ông số tiền 33.465.000 đồng. Vì trước đó ông có đặt làm dàn xới sạ giá 39.000.000 đồng với ông Trương Công N. Ông N có nhờ con ruột là ông Trương Hồng H lên gặp ông để nhận 25.000.000 đồng về giao lại cho ông N. Trong quá trình đặt làm dàn xới sạ ông có điện thoại nhiều lần gặp ông N chứ không phải ông H. Sau đó ông N không làm

được dàn xới cho ông nên ông có đến gặp ông N nhiều lần và cuối cùng các bên thống nhất hủy hợp đồng, ông N và ông H đồng ý trả lại cho ông số tiền 33.465.000 đồng nhưng đến nay không thực hiện.

- *Bị đơn Trương Công N trình bày:* Ông có 1 xưởng cơ khí làm dàn xới, có thỏa thuận làm dàn xới cho ông Phùng Minh T giá 39.000.000 đồng. Sau đó ông có nhờ con ông tên Trương Hồng H lên gặp ông T để nhận 25.000.000 đồng về giao lại cho ông. Tuy nhiên, sau khi ông H nhận tiền từ ông T không giao lại cho ông mà tự đi mua vật dụng làm dàn xới cho ông T. Sau đó, các bên hủy hợp đồng như thế nào ông không rõ. Ông Trương Hồng H và ông Phùng Minh T có ký hợp đồng làm dàn xới với nhau nên ông H phải chịu trách nhiệm trả số tiền trên cho ông T, ông không liên quan gì.

- *Bị đơn Trương Hồng H trình bày:* Trước đây vào khoảng tháng 3/2018 giữa ông và ông Phùng Minh T, cha ông là ông Trương Công N có thỏa thuận cho ông làm dàn xới sạ cho ông T với giá 39.000.000 đồng nhưng ông là người trực tiếp thực hiện. Ngày 13/3/2018 ông T giao cho ông 5.000.000 đồng, đến ngày 18/3/2018 giao tiếp 20.000.000 đồng. Khi thi công khoảng 1 tuần thì ông T gọi cho ông N yêu cầu ngừng thi công với lý do đã trễ hạn ngày giao hàng. Khoảng 1 – 1,5 tháng sau, ông T liên hệ yêu cầu ông phải bồi thường, sau đó ông có thỏa thuận bồi thường cho ông T là 30.000.000 đồng, thời gian trả là 30/9/2018. Do làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả cho ông T. Ông yêu cầu được trả dần số tiền này mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Ông xác định cá nhân ông là người trả tiền cho ông T, không liên quan gì đến ông Trương Công N.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, biên bản thỏa thuận, giấy cam kết trả nợ, hợp đồng đặt dàn xới, biên bản tổng đạt, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, biên bản không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được, biên bản hòa giải không được và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ông Phùng Minh T khởi kiện yêu cầu ông Trương Hồng H và ông Trương Công N trả cho ông T số tiền 33.465.000 đồng xuất phát từ việc thanh lý hợp đồng gia công. Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp đòi tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BL.

[2.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trương Công N và ông N có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giải quyết vắng mặt ông N.

[2.3] Tại phiên tòa, ông Phùng Minh T khẳng định chỉ khởi kiện cá nhân ông N và ông H nên Tòa án không xác định những người khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Ông Trương Công N và ông Phùng Minh T thừa nhận có xác lập hợp đồng gia công dân xới sạ bằng lời nói với giá 39.000.000 đồng và ông N có nhờ con ruột là ông Trương Hồng H đến gặp ông T để nhận tiền cọc 25.000.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 25/3/2018 ông T và ông H xác lập *“hợp đồng đặt dân xới 2m2 giá 39 triệu”* thể hiện ông Trương Hồng H (con 5 râu) là bên làm dân xới cho ông T chứ không phải ông N. Sau đó, vào ngày 15/4/2018 các bên thỏa thuận thanh lý *“hợp đồng đặt dân xới 2m2 giá 39 triệu”* bằng hình thức *“Bên Trương Hồng H – Trương Công N, sinh năm 1946 chấp nhận bồi thường hợp đồng làm dân xới sạ 2m2 cho ông Phùng Minh T là 5.000.000 đồng và tiền nợ gốc 25.000.000 đồng. Tổng cộng 30.000.000 đồng”* và tại Giấy cam kết trả nợ ngày 24/6/2018 cũng thể hiện *“Trương Hồng H – Trương Công N sẽ thanh toán dứt nợ cho Phùng Minh T là 30 triệu đồng + lãi suất 3,3%...”* nhưng các văn bản này chỉ có ông H ký tên chịu trách nhiệm với ông T; ông N không ký tên và cũng không thừa nhận có thỏa thuận trả nợ cho ông T; đồng thời ông T không chứng minh được có việc giao tiền cho ông N. Vì vậy, không có cơ sở buộc ông N và ông H chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền trên mà chỉ có cơ sở buộc cá nhân ông H chịu trách nhiệm trả cho ông T số 30.000.000 đồng + $[30.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \text{ (không quá } 20\%/\text{năm theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015)} \times 6 \text{ tháng 5 ngày (tính từ ngày 30/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm)}] = 33.086.160 \text{ đồng}$. Việc các bên thỏa thuận chịu lãi suất 3,3%/tháng là vượt quá 20%/năm, không phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Tại phiên tòa, ông Trương Công H chỉ đồng ý trả cho ông T 30.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ việc ông H thỏa thuận trả cho ông T 30.000.000 đồng vào ngày 30/9/2018 nhưng đến nay không thực hiện đã làm ảnh hưởng quyền, lợi ích chính đáng của ông T. Mặt khác, ông H yêu cầu được trả dân mỗi tháng 2.000.000 đồng, không được ông T đồng ý và pháp luật không có quy định về trả dân nên không có căn cứ để chấp nhận ông H trả dân số tiền trên cho ông T.

[4] Về án phí: Ông Trương Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 468, 542, 543, 544, 551, 552 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Minh T đối với ông Trương Hồng H.

2. Buộc Trương Hồng H có nghĩa vụ trả cho ông Phùng Minh T số tiền là 33.086.160 đồng (ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

3. Về án phí: Buộc ông Trương Hồng H phải chịu 1.654.308 đồng án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho ông Phùng Minh T số tiền 836.625 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007341 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh LA.

4. Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên tòa và 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LA xét xử phúc thẩm vụ án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND huyện BL;
- Chi cục THADS huyện BL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh